

Bản án số: 119/2022/HS-PT
Ngày 20 - 12 - 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và ông Vũ Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 132/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Như Q do có kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Như Q, sinh ngày 10/12/1985 tại Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ 5, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như Qu (đã chết) và bà Ngô Thị Kim H; có vợ là Nguyễn Thị D (đã ly hôn) và có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/9/2021 đến nay, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn A – Luật sư Công ty luật TNHH Kiến Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Bị hại: Chị Lưu Thị M, sinh năm 1983 và cháu Lưu Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2018 (đều đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo: Ông Lưu Văn C, sinh năm 1956, trú tại: Tổ 7, phường V, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Vũ Công G, Luật sư – Văn phòng Luật sư Bảo Hiến thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, “có mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Kim H, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố số 5, phường Tr, thành phố Ph, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Lưu Duy B, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 17/8/2020, Trần Như Q, có giấy phép lái xe ô tô hạng D, có giá trị đến ngày 09/6/2022, điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 43A- 118.03, chở chị Lưu Thị M cùng với cháu Lưu Quỳnh N đi đến nhà anh Chu Văn T ở xã Ngọc Thanh để uống rượu mừng anh T mua xe ô tô mới. Trần Như Q ngồi uống rượu đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì ra về trước. Q điều khiển xe ô tô đi theo hướng đường liên thôn đi qua tràn Cống Thó thuộc địa phận thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh sang phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên để về nhà. Chị M và cháu N ngồi ở ghế phụ phía trước nhưng không ai thắt dây an toàn. Trên đường về, do trời mưa to, giông bão, trời tối không có đèn đường nên Q điều khiển xe đi với tốc độ khoảng 30km/h, bật cần gạt nước ở chế độ gạt nước nhanh nhất, bật đèn pha chiếu sáng, tầm nhìn quan sát phía trước đầu xe ô tô khoảng 10m, có nhiều nước chảy trên mặt đường.

Do trời mưa to liên tục từ nhiều ngày trước, ngập úng và biết tin xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn xả lũ hồ Đồng Đò, nên khoảng 20 giờ ngày 17/8/2020 ông Hoàng Văn K, mặc áo mưa đi bộ ở tràn Cống Thó với mục đích thông báo cho con dâu của ông là chị Lưu Thúy K1 đi về nhà đường khác, không đi qua tràn Cống Thó vì nước chảy qua tràn Cống Thó dâng cao, chảy xiết. Khi ông K đang lội qua tràn Cống Thó thì thấy nước ở suối Thó bên trái và suối Ba Hương bên phải đường chảy ra rất mạnh và mực nước ở tràn Cống Thó ngập đến gần bụng ông K, cao khoảng gần 01m, đường bê tông bên kia tràn Cống Thó bị ngập. Khi ông K đang đứng đợi thì nhận được điện thoại của gia đình thông báo là chị K1 đã về nhà bằng đường khác nên ông K đi về nhà.

Trên đường về nhà, ông K gặp xe ô tô màu trắng đi theo hướng từ thôn Lập Đình sang phường Đồng Xuân chuẩn bị đi qua tràn Cống Thó nên ông K đã ra tín hiệu để lái xe quay đầu đi đường khác, người lái xe ô tô trên đã quay đầu xe đi đường khác. Sau đó, khi đi cách tràn Cống Thó khoảng 50m, ông K tiếp tục gặp xe ô tô bán tải do Trần Như Q điều khiển đi về hướng tràn Cống Thó. Lúc này, ông K đeo đèn pin bật sáng trước trán nên ông K nhìn thấy bên trong xe ô tô có người lái xe là nam giới và một người phụ nữ ngồi ở ghế phụ đang đi về hướng tràn Cống Thó. Thấy vậy, ông K vẫy hai tay và nói to: “*Nước đầy lắm, xe ô tô không qua được đâu*”. Tuy nhiên Q khai nhận không nhìn thấy ông K ra tín hiệu quay đầu xe nên vẫn điều khiển xe ô tô đi về hướng tràn Cống Thó (đoạn đường này trước đó Q đã đi lại nhiều lần).

Khoảng 20 giờ 45 phút, khi đi đến đầu tràn Cống Thó thuộc thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh, Q cài số 1 cho xe đi chậm rồi từ từ xuống dốc để đi qua tràn Cống Thó. Khi xe ô tô xuống đến mặt tràn Cống Thó (đang có dòng nước chảy qua) thì bị dòng nước suối Thó đẩy xe ô tô trôi khỏi mặt tràn theo hướng dòng

chảy từ trái qua phải cuốn trôi xuống lòng suối, xe ô tô bị chết máy, nước tràn vào bên trong xe, rồi xe bị mắc kẹt ở cửa Cổng Thó. Khi nước đã ngập gần hết bên trong xe, lúc này Q dùng chân đạp vào cửa kính và lấy tuýp sắt có sẵn trong xe đập phá cửa kính nhưng không vỡ, nước lũ tiếp tục chảy mạnh làm cho xe ô tô lộn nhào nhiều vòng, va đập vào thành cống làm cho một bên cửa kính xe ô tô bị vỡ, Q thoát ra khỏi xe qua ô cửa kính bị vỡ. Sau khi thoát được ra ngoài, Q túm tay chị M để kéo chị M ra khỏi xe, nhưng do nước chảy xiết, xe ô tô tiếp tục bị lật, trôi theo dòng chảy và chìm nên Q bị tuột tay không cứu được chị M. Chị M và cháu N bị cuốn trôi theo dòng nước, còn Q khi đang chơi với giữa dòng nước lũ thì được anh Lưu Duy B kéo lên bờ. Sau khi được anh B cứu sống, Q nói với anh B “Vợ con em vẫn còn trong xe”, ngay sau đó anh B và Q nhặt đá đập cửa kính xe ô tô để tìm kiếm, cứu chị M và cháu N, nhưng do nước suối Thó chảy xiết đã cuốn trôi chị M và cháu N ra khỏi xe từ trước đó.

Cơ quan điều tra cùng các cơ quan chức năng khác đã trực vớt xe ô tô nêu trên, tổ chức tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn đối với chị M và cháu N. Đến ngày 18/8/2020, thi thể chị M và cháu N đã được tìm thấy ở đoạn suối chảy từ Cổng Thó sang phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, cách vị trí xe ô tô biển kiểm soát 43A- 118.03 bị mắc kẹt là 200m.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan công an đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn đối với Trần Như Q và trong hơi thở của Q là 0,053 mg/l khí thở.

Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám phương tiện và khám nghiệm hiện trường theo đúng quy định.

Ngày 07/9/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã có Bản kết luận giám định số 2220/KLGĐ, kết luận giám định pháp y tử thi Lưu Quỳnh N nguyên nhân chết của cháu Lưu Quỳnh N là do ngạt nước.

Ngày 14/9/2020, Trung tâm Pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đã có Bản kết luận số 91/TT, kết luận giám định pháp y tử thi Lưu Thị M nguyên nhân chết: Ngạt nước không hồi phục, tại thời điểm giải phẫu tử thi trong buồng tử cung không có thai.

Ngày 24/9/2020, Cơ quan điều tra trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc để giám định một số mảnh nhựa một mặt được sơn màu ghi xám, trên bề mặt có nhiều dấu vết trượt xước thu tại hiện trường vụ án (mẫu kí hiệu A1) so sánh với mẫu nhựa thu ở tai bên trái và đuôi bên trái xe ô tô biển kiểm soát 43A- 118.03 (mẫu ký hiệu M1) có cùng loại không.

Ngày 05/10/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Bản kết luận số 2547/KLGĐ, kết luận: Mẫu nhựa màu ghi xám thu tại thành bờ suối hiện trường của vụ án, cùng loại với mẫu nhựa ở tai bên trái và đuôi bên trái xe ô tô BKS: 43A- 118.03. Hoàn trả sau giám định mẫu A1, M1 cùng toàn bộ bao gói.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng:

+ Thu giữ của Q: 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 43A - 118.03; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 giấy chứng nhận kiểm định còn thời hạn đến hết ngày 09/02/2021; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô nêu trên, là tài sản hợp pháp của Trần Như Q; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng D mang tên Trần Như Q có giá trị đến ngày 09/6/2022.

+ Bà Ngô Thị Kim H (là mẹ đẻ của Q) tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình người bị hại (bồi thường thay cho Q), bà H không yêu cầu Q phải hoàn trả lại.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lưu Văn C yêu cầu Trần Như Q phải bồi thường tổng số tiền là 809.066.000 đồng và bồi thường 1 lần, trong đó: Tiền mai táng phí của chị M và cháu N là 96.000.000 đồng; tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 149.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Anh N1, sinh ngày 08/5/2008 cho đến khi đủ 18 tuổi là 137.400.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Thiên N2, sinh ngày 07/7/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Kiều N3, sinh ngày 07/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng.

Bị cáo Q đồng ý bồi thường số tiền nêu trên theo phương thức bồi thường một lần, bị cáo đã trực tiếp bồi thường cho ông C số tiền 17.000.000 đồng. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bà Ngô Thị Kim H đã nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra để bồi thường thay cho bị cáo nhưng ông C chưa nhận số tiền bồi thường trên.

Đối với nội dung sự việc xả lũ hồ Đồng Đò ngày 17/8/2020:

Ông Nguyễn Xung X – Giám đốc xí nghiệp thủy lợi Sóc Sơn xác nhận: Do mực nước hồ Đồng Đò thuộc địa phận xã Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội ở mức báo động cần phải xả lũ để đảm bảo an toàn cho đập nên khoảng 16h30 ngày 17/8/2020 ông X đã trực tiếp gọi điện thoại cho ông Nguyễn Đức Đ, Giám đốc công ty Thủy lợi Phúc Yên thông báo xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn xả lũ hồ Đồng Đò từ 20 giờ 00 phút cùng ngày 17/8/2020, đồng thời có công văn số 277 ngày 17/8/2020 gửi thông báo đến các vùng giáp danh lân cận về việc xả lũ hồ Đồng Đò. Theo kế hoạch từ 20 giờ 00 ngày 17/8/2020, xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn đã cho xả lũ hồ Đồng Đò theo lịch đã thông báo.

Ông Nguyễn Đức Đ - Giám đốc Công ty Thủy lợi Phúc Yên xác nhận: Khoảng 16h30 ngày 17/8/2020 ông Đ nhận được điện thoại của ông Nguyễn Xung X gọi đến thông báo xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn xả lũ hồ Đồng Đò từ 21 giờ 00 phút cùng ngày 17/8/2020 nên cùng ngày 17/8/2020 công ty Thủy lợi Phúc Yên đã có công văn 331 gửi đến Ủy ban nhân dân các xã, phường: Ngọc Thanh, Đồng Xuân và Xuân Hòa thông báo về việc xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn xả lũ hồ 21h ngày 17/8/2020 để các đơn vị chủ động phòng chống thiên tai và đến ngày 18/8/2020 công ty Thủy lợi Phúc Yên mới nhận được công văn số 277 ngày 17/8/2020 của xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn “V/v xả tràn hồ Đồng Đò lần 2” dự kiến là 20 giờ 00 cùng ngày 17/8/2020 sẽ xả lũ hồ Đồng Đò.

Đối với chính quyền địa phương xã Ngọc Thanh: Hồi 17 giờ 53 phút ngày 17/8/2020, Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh nhận được văn bản số 331 ngày 17/8/2020 của công ty Thủy lợi Phúc Yên thông báo về việc hồ Đồng Đồ xả lũ vào lúc 21 giờ 00 ngày 17/8/2020, kết hợp với trời mưa to kéo dài nhiều ngày trước và mưa bão ngày 17/8/2020, Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh đã thông báo cho ông La Văn U là Trưởng thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh để ông U thông báo tới toàn thể nhân dân trong thôn biết về việc hồ Đồng Đồ xả lũ. Ông U đã thông báo nội dung xả lũ hồ Đồng Đồ trên loa phát thanh để nhân dân trên địa bàn nắm được có biện pháp phòng tránh lũ lụt. Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh đã phân công lực lượng chốt ở hai đầu tràn Công Thó để cảnh báo cho người dân biết khi đi qua, thời gian triển khai là 21 giờ 00 ngày 17/8/2020. Khi lực lượng trực chốt đang chuẩn bị triển khai theo quy định thì xảy ra vụ án như đã nêu trên vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 17/8/2020.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên Trần Như Q còn phạm tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”, cụ thể như sau: Trần Như Q và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật từ năm 2011. Trong thời gian từ tháng 11 năm 2017, Trần Như Q có hành vi đến nhà của chị M ăn ở, chung sống với chị M như vợ chồng. Quá trình chung sống, Q đã công khai quan hệ như vợ chồng với chị M cho hàng xóm xung quanh, bố mẹ chị M và bà Ngô Thị Kim H là mẹ đẻ của Q biết. Chị Nguyễn Thị D đã nhiều lần khuyên bảo Q chấm dứt mối quan hệ bất chính với chị M nhưng không được. Từ đó mối quan hệ vợ chồng giữa chị D và Q xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Ngày 25/12/2017, chị D đã đưa các con chung của Q và chị D về nhà mẹ đẻ ở xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội sinh sống. Do Q có mối quan hệ bất chính, chung sống như vợ chồng với chị M và đã có con chung nên quan hệ hôn nhân giữa chị D với Q ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, Q đã viết đơn xin ly hôn chị D. Đến ngày 22/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã xét xử cho Q ly hôn với chị D. Bản án không bị kháng cáo, kháng nghị và đã có hiệu lực pháp luật.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2022/HSST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định.

Tuyên bố bị cáo Trần Như Q phạm các tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 260, điểm a khoản 1 Điều 182, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Như Q 08 (Tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”. Tổng hợp hình phạt buộc Trần Như Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/9/2021.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 591 Bộ luật Dân sự buộc Trần Như Q phải bồi

thường tiếp cho ông Lưu Văn C tổng số tiền còn lại là 742.066.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả lại, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022 bị cáo Trần Như Q có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Cùng ngày, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố; việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ dẫn đến bản án chưa làm rõ sự thật khách quan của vụ án; có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm và hình phạt chưa tương xứng với hậu quả mà bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Q giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông C giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra, xét xử lại vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm, phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn C; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như Q; sửa Bản án sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo Trần Như Q, xử phạt bị cáo Q từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 06 năm 03 tháng đến 06 năm 09 tháng tù. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Như Q trình bày bản bào chữa khẳng định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Người bào chữa đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”, xử phạt bị cáo Q từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù cho cả hai tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Như Q và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn C làm trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo Trần Như Q đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Như Q là phù hợp biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường; phù hợp với lời khai người làm chứng; các kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cùng vật chứng vụ án thu giữ được. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận khoảng 20 giờ 45 phút ngày 17/8/2020, Trần Như Q điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota biển kiểm soát 43A- 118.03 chở chị Lưu Thị M và cháu Lưu Quỳnh N đi từ nhà anh Chu Văn T ở thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh để về nhà. Trong điều kiện trời đang mưa to, khi đi qua tràn Cống Thó thuộc thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên đang có dòng nước chảy xiết, Q điều khiển xe ô tô xuống dốc đến mặt tràn Cống Thó thì bị dòng nước từ phía bên trái đẩy xe ô tô trôi khỏi mặt tràn Cống Thó, nhào lộn nhiều vòng và trôi xuống lòng suối. Hậu quả làm chị M và cháu N bị tử vong. Trong hơi thở của Q có nồng độ cồn là 0,053 mg/l khí thở.

Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với chị Nguyễn Thị D, từ tháng 11 năm 2017 Trần Như Q đã có hành vi chung sống như vợ chồng với chị Lưu Thị M tại nhà riêng của chị M ở tổ 8, phường Trưng Trắc, thành phố Phúc Yên và có một con chung với chị M là cháu Lưu Quỳnh N, sinh ngày 05/8/2018. Hậu quả của hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng của Trần Như Q dẫn đến quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và Trần Như Q phải ly hôn.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Trần Như Q 08 (Tám) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 260 và 09 (Chín) tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng” theo điểm a khoản 1 Điều 182 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Trần Như Q về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự nhưng lại xác định ông Nguyễn Đức Đ - Giám đốc Công ty Thủy lợi Phúc Yên; ông Nguyễn Xung X – Giám đốc Xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn, Hà Nội; ông La Văn U – Trưởng thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh và Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng. Bởi lẽ, việc xả lũ hồ Đồng Đò ngày 17/8/2020 không phải là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả chị Lưu Thị M và cháu Lưu Quỳnh N bị chết. Trong vụ án này, bị cáo Q là chủ sở hữu của chiếc xe ô tô biển kiểm soát 43A- 118.03 và chính bị cáo là người điều khiển ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ không chấp hành quy định khi tham gia giao thông đã gây ra hậu quả chết người; thiệt hại xảy ra có mối quan hệ nhân quả với hành vi vi phạm của bị cáo; bị cáo là người có lỗi gây ra hậu quả

chết người. Vì vậy, bị cáo là người phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của Bộ luật Dân sự chứ không phải là nghĩa vụ của tổ chức hay cá nhân nào khác. Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông Nguyễn Đức Đ - Giám đốc Công ty Thủy lợi Phúc Yên; ông Nguyễn Xung X – Giám đốc Xí nghiệp Thủy lợi Sóc Sơn, Hà Nội; ông La Văn U – Trưởng thôn Lập Đình, xã Ngọc Thanh và Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng nhưng chưa xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người nêu trên và cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người tham gia tố tụng khác trong vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc xác định tư cách của người tham gia tố tụng để tránh lặp lại sai sót này trong các vụ án khác.

[4] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn C:

[4.1] Đối với kháng cáo cho rằng có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm.

Ông C cho rằng vụ án này xảy ra từ ngày 17/8/2020 nhưng đến ngày 10/9/2021 mới khởi tố vụ án, khởi tố bị can; ngày 10/4/2022 mới có kết luận điều tra; quá trình điều tra ông đã nhiều lần đề nghị thay đổi điều tra viên và cán bộ điều tra vụ án khi thấy họ không khách quan nhưng không được chấp nhận là vi phạm nghiêm trọng quy định về thời hạn giải quyết tin báo về tội phạm, về thời hạn điều tra và thiếu tính khách quan.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Thông báo về việc tiếp nhận tin báo về tội phạm ngày 19/8/2020; Quyết định gia hạn giải quyết nguồn tin tội phạm ngày 16/10/2020; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin tội phạm ngày 19/12/2020; Quyết định phục hồi về việc giải quyết nguồn tin tội phạm ngày 10/8/2021; Quyết định gia hạn điều tra vụ án ngày 05/01/2022....

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đối với nội dung khiếu nại vi phạm thời hạn giải quyết tin báo tội phạm là thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát cấp sơ thẩm, Tòa án chỉ xem xét, đánh giá hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng kể từ thời điểm khởi tố vụ án. Hơn nữa, đối với khiếu nại này đã được Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm trả lời cho người khiếu nại. Trong vụ án này, kể từ thời điểm khởi tố vụ án đến thời điểm có quyết định truy tố bị can đều đảm bảo đúng trình tự, theo quy định của pháp luật, không có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày. Việc điều tra vụ án kéo dài là do nguyên nhân khách quan như cần đợi kết luận giám định, thu thập chứng cứ ...và việc kéo dài là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định về thời gian điều tra của Bộ luật Tố tụng hình sự và không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng. Quá trình điều tra vụ án, người đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về nội dung này và đã được Cơ quan điều tra giải quyết theo quy định.

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc “Biên bản khám nghiệm hiện trường” (bút lục 50) ghi sai thời gian khám nghiệm dẫn đến việc Cơ quan điều tra làm sai lệch hồ sơ và bỏ lọt tội phạm là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc ghi không chính xác thời gian trong biên bản khám nghiệm hiện trường chỉ là sự sai sót, nhầm lẫn của cán bộ ghi biên bản nhưng sai sót này không làm thay đổi bản chất của việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và không có dấu hiệu giả mạo để làm sai lệch hồ sơ vụ án. Sai sót này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để hủy bản án theo yêu cầu của đại diện bị hại. Hội đồng xét xử yêu cầu Cơ quan điều tra cấp sơ thẩm, cán bộ điều tra trực tiếp lập biên bản trên phải nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4.2] Đối với kháng cáo về tội danh.

Người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo đề nghị phải điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Q về tội “Giết người”, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện khi điều khiển xe ô tô đi qua tràn Cổng Thó thì bị cáo Q nhìn thấy đang có dòng nước chảy xiết nhưng bị cáo không xuống xe để kiểm tra mà vẫn điều khiển xe tiếp tục đi qua tràn Cổng Thó vì bị cáo nghĩ xe ô tô của mình là loại xe gầm cao có thể đi qua được, điều này thể hiện ý thức quá tự tin của bị cáo. Tuy nhiên, khi điều khiển xe đi đến mặt tràn Cổng Thó thì xe ô tô bị dòng nước chảy xiết cuốn trôi khỏi mặt tràn, nhào lộn nhiều vòng và trôi xuống lòng suối. Việc đề xảy ra hậu quả chết người thì bị cáo hoàn toàn không mong muốn vì bị cáo cũng chính là người bị nạn trong vụ án này.

Ngay sau khi vụ tai nạn xảy ra, bị cáo Q đã có lời khai thể hiện khi bị cáo thoát ra khỏi xe ô tô thì bị dòng nước cuốn trôi nhưng được anh Lưu Duy B cứu lên bờ; khi bị cáo bình tĩnh thì bị cáo đã nói với anh B “Vợ, con em vẫn còn trong xe, cứu vợ con em với”. Liên ngay sau đó thì chính bị cáo cùng với anh B quay lại chỗ xe ô tô bị kẹt dùng đá đập cửa kính xe để tìm kiếm, cứu chị M và cháu N nhưng không cứu được. Lời khai của bị cáo là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng có mặt tại hiện trường là anh Lưu Duy B. Căn cứ vào biên bản khám nghiệm tử thi và kết luận giám định thì nguyên nhân chị M và cháu N bị chết là do ngạt nước. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo không có ý thức giết người như suy diễn của đại diện bị hại.

Hành vi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 43A- 118.03 đi qua đập tràn của bị cáo Trần Như Q trong điều kiện trời mưa rất to, dòng nước chảy xiết và bị cáo đã sử dụng rượu bia là thuộc trường hợp bị nghiêm cấm được quy định tại khoản 8, khoản 23 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ đã gây hậu quả làm chị Lưu Thị M và cháu Lưu Quỳnh N bị tử vong. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trần Như Q đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với hai tình tiết định khung là “Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định” và “Làm chết 02 người”; tội danh được quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Như Q về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai. Kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị hủy án để điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về tội "Giết người" là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Mức hình phạt 09 tháng tù về tội "Vi phạm chế độ một vợ, một chồng" mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Như Q là có căn cứ, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Hiện nay, việc vi phạm chế độ một vợ, một chồng xảy ra khá phổ biến, do đó cần phải xử lý nghiêm minh với mức án như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa, giáo dục đối với loại tội phạm này.

Mức hình phạt 08 năm tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nghiêm khắc, không đúng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tuy hậu quả làm chết 02 người nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là do lỗi vô ý, bị cáo cũng chủ động tìm cách để cứu bị hại nhưng không cứu được và bị hại cũng chính là người thân thích của bị cáo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, mẹ của bị cáo là bà Ngô Thị Kim H đã cung cấp tài liệu thể hiện gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp được số tiền 33.000.000 đồng để bồi thường cho gia đình bị hại tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Thấy rằng, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị hại trong vụ án cũng chính là những người thân thích của bị cáo và bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa cũng như tạo điều kiện giúp bị cáo yên tâm cải tạo, sửa chữa sai lầm, sớm được về đoàn tụ với gia đình để nuôi dạy con cái.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại vẫn thống nhất thỏa thuận bồi thường thiệt hại về dân sự như tại cấp sơ thẩm. Thấy rằng, thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại và cấp dưỡng cho các con của bị hại tổng số tiền 809.066.000 đồng. Xác

nhận bị cáo đã bồi thường được số tiền 100.000.000 đồng; trong đó gia đình bị hại đã nhận trực tiếp số tiền 17.000.000 đồng, mẹ bị cáo là bà Ngô Thị Kim H đã bồi thường thay cho bị cáo 50.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Phúc Yên và 33.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên. Đại diện hợp pháp của bị hại liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên để nhận số tiền 83.000.000 đồng mà bị cáo đã bồi thường.

[7] Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền 50.000.000 đồng mà bà Ngô Thị Kim H đã nộp tại Cơ quan điều tra để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại thay cho bị cáo là vật chứng của vụ án là không đúng. Đây là số tiền bồi thường trước cho bị hại nên cần xác nhận để đối trừ vào số tiền phải bồi thường theo quy định. Tòa án cấp phúc thẩm sẽ sửa lại cách tuyên án về phần dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Q phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự với tổng số tiền 33.680.000 đồng là không đúng, gây thiệt hại cho bị cáo. Bởi lẽ, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Q đồng ý bồi thường một lần cho gia đình bị hại tổng số tiền 809.066.000 đồng, trong đó tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 149.000.000 đồng; tiền mai táng phí của chị Lưu Thị M và cháu Lưu Quỳnh N là 96.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Anh N1, sinh ngày 08/5/2008 đến khi đủ 18 tuổi là 137.400.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Thiên N2, sinh ngày 07/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Kiều N3, sinh ngày 07/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng. Trong tổng số tiền nêu trên thì có một khoản tiền liên quan đến việc cấp dưỡng cho 03 con của bị hại với số tiền là 564.066.000 đồng. Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì bị cáo chỉ phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Q còn phải chịu án phí dân sự về bồi thường thiệt hại đối với số tiền phải bồi thường là 245.000.000 đồng (809.066.000 đồng – 564.066.000 đồng). Trong quá trình điều tra bị cáo và bà H đã bồi thường được 67.000.000 đồng nên cần xác nhận để đối trừ cho bị cáo. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì bị cáo Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự đối với số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và tiền mai táng phí là 8.900.000 đồng [5% x (245.000.000 đồng – 67.000.000 đồng)]. Như vậy, tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Q phải chịu là 9.200.000 đồng (300.000 đồng + 8.900.000 đồng). Hội đồng xét xử sẽ sửa phần án phí dân sự sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Như Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận bị cáo mưu sinh, kiếm sống hàng ngày bằng nghề nghiệp chính là lái xe ô tô. Do bị cáo điều khiển xe ô tô gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, làm chết 02 người nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo

trong một thời gian nhất định theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự mới có tính chất răn đe, phòng ngừa và tạo sự công bằng chung đối với các vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lưu Văn C.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như Q, sửa bản án sơ thẩm số 65/2022/HS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 260; điểm a khoản 1 Điều 182; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Như Q phạm các tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”.

Xử phạt bị cáo Trần Như Q 06 (Sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và 09 (Chín) tháng tù về tội “Vi phạm chế độ một vợ, một chồng”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Như Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 06 (Sáu) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 14/9/2021.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cấm bị cáo Trần Như Q hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Như Q phải bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền là 809.066.000 đồng, trong đó: Tiền bồi thường tổn thất về tinh thần là 149.000.000 đồng; tiền mai táng phí của chị Lưu Thị M và cháu Lưu Quỳnh N là 96.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Trần Anh N1, sinh ngày 08/5/2008 đến khi đủ 18 tuổi là 137.400.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Thiên N2, sinh ngày 07/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Kiều N3, sinh ngày 07/7/2011 đến khi đủ 18 tuổi là 213.333.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường được số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo Trần Như Q còn phải bồi thường tiếp cho gia đình bị hại số tiền là 709.066.000 đồng (Bảy trăm linh chín triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị cáo Trần Như Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 8.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Bị cáo Q không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố Phúc Yên;
- TAND thành phố Phúc Yên;
- Công an thành phố Phúc Yên;
- Cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

